CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***492 137***	***140 819***	***357 218***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**104 737**	**17 352**	**87 385**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***31 545***	***17 352***	***14 193***			
1		THAN SÔNG HỒNG	02/06	834/05	17/06	BN 1858	CỤC XỐ 1C	1 040	360	680	Dở	TD	GIA HẠN L1
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/06	1000-B/06		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 500	14 008	13 492	Dở		TTCO:24.500 - KVCP:3.000
3		ĐẠM NINH BÌNH	15/06	1002/06		NB 8519	CÁM 4A.1	3 005	2 984	21	16/06		
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***73 192***		***73 192***			
1		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
4		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XỐ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
8		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
9		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỐ 1C	1 030		1 030		TD	
10		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
11		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỐ 1C	1 100		1 100		TD	
12		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÙN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
13		ĐT TMDV VINACOMIN	03/06	832-B/05	18/06	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	THAY TBGT SỐ 832/05 NGÀY 06/05/2025
14		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÙN 3B	1 408		1 408		TD	
16		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
17		THAN UÔNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÙN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
18		KDT CẦU ĐUỐNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
19		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
20		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025
21		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CÁM 1	1 981		1 981		TD	
22		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CÁM 2A.1	1 250		1 250		TD	
23		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CÁM 4A.1	1 250		1 250		TD	
24		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XỐ 1C	1 000		1 000		TD	
25		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XỐ 1C	1 988		1 988		TD	
26		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CÁM 4B.1	3 020		3 020		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		KDT CẦU ĐUỐNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
28		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	
29		ĐT TMDV VINACOMIN	02/06	953/05	17/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
30		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
31		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
32		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
33		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
34		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
35		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CÁM 5A.1	8 750		8 750			
36		CROMIT THANH HOÁ	11/06	988/06	26/6	CHÍ THÀNH 69	CÁM 5A.1	3 250		3 250		PTCB	
37		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CÁN 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
38		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
39		COALIMEX	14/06	998/06	30/06	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
40		ĐẠM HÀ BẮC	14/06	999/06	30/06	TĐ 68-TT	CÁM 4A.1	2 270		2 270		TD	
41		ĐẠM NINH BÌNH	15/06	1003/06		NB 8828	CÁM 4A.1	2 760		2 760			
42		ĐẠM HÀ BẮC	16/06	1004/06	30/06	TĐ 98-4	CÁM 4A.1	2 300		2 300			
43		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CÁM1	1 530		1 530		TD	
44		XD CN MỎ	16/06	1006/06	30/06	BN 2112	CÁM 4A.1	1 200		1 200		TD	
45		KDT BẮC THÁI	16/06	1007/06	30/06	BN 2128	CÁM 1	1 200		1 200		TD	
	Tàu chuyển tải							**220 650**	**72 952**	**153 598**			
	Tàu đang làm hàng							***119 700***	***72 952***	***52 648***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CÁM 6A.1	47 700	36 050	11 650	DỞ		TTCO:25.000 - 22.700
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 000	31 002	14 998	DỞ		TTCO: 26.002,32 - TTHG:20.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CÁM 5B.14	26 000	5 900	26 000	DỞ		TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***100 950***		***100 950***			
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CÁM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1		990/06		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 700		27 700			TTHG: 22.000 -KVCP:5.700
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	16/06	1008/06		VIỆT THUẬN 235-02	CÁM 6A.1	25 000		25 000			TTCO:25.000
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**47 334**	**10 163**	**37 171**			
	Tàu đã làm hàng							***10 721***	***10 163***	***558***			
1		CP HÀNG HẢI VN	13/6	639	28/6	BN - 2699	CÁM 8A	1 963	1 960	3	16/6	TD	
2		CP VT THUỶ	15/6	698	30/6	BN - 2365	CÁM 8A	950	945	5	16/6	TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		CP VT&KD THAN	16/6	756	30/6	BN - 2565	CÁM 8A	1 958	1 943	15	16/6	TD	
4		COALIMEX	16/6	746	30/6	BN - 1296	CÁM 8A	1 000	993	7	16/6	TD	
5		SÔNG HỒNG	16/6	745	30/6	BN - 2397	CÁM 8A	1 000	999	1	16/6	TD	
6		NINH BÌNH	14/6	688	29/6	BN - 0869	CỤC 1B	1 000	985	15	16/6	TD	
7		MIỀN BẮC	15/6	703B	30/6	NB - 6493	CÁM 5B.1	1 850	1 830	20	16/6	PT CB	
8		HÀ NỘI	11/6	517	26/6	BN - 1997	CỤC 1A	1 000	510	490	dở	TD	
	Tàu đã làm lệnh							***36 613***		***36 613***			
1		COALIMEX	01/6	1 539	14/6	BN - 1835	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
2		HÀ NỘI	31/5	1 552	31/5	BN - 2022	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
3		CP ĐTTM&DV	31/5	1 565	31/5	BN - 1936	CÁM 8A	1 000		1 000		TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	31/5	1 565	31/5	NB - 8881	CÁM 8A	780		780		TD	
5		SX TM THAN UÔNG BÍ	31/5	1 572	31/5	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUỐNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
8		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CÁM 8A	1 650		1 650		TD	
9		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
10		COALIMEX	03/6	137	16/6	HD - 2299	CÁM 8A	1 976		1 976		PT CB	
11		CẦU ĐUỐNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
12		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CÁM 7B	1 963		1 963		PT CB	
13		CP DVVT QNINH	04/6	193	17/6	HN 2422	CÁM 8A	2 100		2 100		TD	
14		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CÁM 8A	1 660		1 660		TD	
15		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
16		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
17		CẦU ĐUỐNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
18		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CÁM 7B	1 400		1 400		PT CB	
19		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
20		CẦU ĐUỐNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
21		CẦU ĐUỐNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
22		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	
23		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
24		THANH HOÁ	12/6	562	27/6	BN - 1386	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
25		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
26		CP ĐTTM&DV	14/6	687B	29/6	BN - 2519	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		CP VT THUỶ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CỤC 1A	1 234		1 234		TD	
28		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CỤC 1B	1 300		1 300		TD	
29		HẢI PHÒNG	16/6	739	30/6	HD - 3833	CÁM 8A	2 000		2 000		TD	
30		SÔNG HỒNG	16/6	741	30/6	BN - 1746	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**-**	**-**	**-**			
	Tàu đã làm hàng												
1													
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**9 416**	**4 490**	**4 926**			
	Tàu đã làm hàng							***4 500***	***4 490***	***10***			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	16/6	742	30/6	MINH HẰNG 222	Cám 5b.1	4 500	4 490	10	16/6	CBPT	
	Tàu đã làm lệnh							***4 916***		***4 916***			
1		HẢI NAM 79	16/6	19		QN 1176	Cám 6a.1	2 916		2 916			
2		DVVT QUẢNG NINH	16/6	757	30/6	BN 2646	Don 8b	1 000		1 000		TD	
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	16/6	747	30/6	BN 2196	Don 8b	1 000		1 000		TD	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**50 000**	**4 811**	**45 189**			
	Tàu đã làm hàng							***25 000***	***4 811***	***20 189***			
1		Nhật Bản	09/06	3 319		MV MIMOSA	CÁM 3B.1	25 000	4 811	20 189			TTCO:14.000 - TTHG:8.000 - KDT MIỀN BẮC:3.000
	Tàu đã làm lệnh							***25 000***		***25 000***			
1		Nhật Bản	12/06	3426		MV PACIFIFC MELODY	CÁM 3B.1	25 000		25 000			KVCP:16.000 - TTHG:9.000
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**60 000**	**31 050**	**28 950**			
	Tàu đã làm hàng							***60 000***	***31 050***	***28 950***			
1		ÚC	31/5	CLM		W-SMASH		20 000	15 550	4 450	DỞ		
2		úC	31/5	CLM		CL LOUDI		20 000	15 500	4 500	DỞ		
3		ÚC	31/5	CLM		NBA VERMEER		20 000		20 000	DỞ		
	Tàu đã làm lệnh												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 17 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	